

UBND HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TRƯỜNG TH&THCS ĐỒNG TÂM

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	21	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	18.745	28,3
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	17.616	25,9
VI	Tổng diện tích các phòng	1.584	2,4
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.344	2
2	Diện tích thư viện (m ²)	96	0,15
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	48	0,07
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	96	0,15
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	96	0,15
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	48	0,07
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	48	0,07
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	5	0,22 bộ/ lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		

1.1	Khối lớp 1	1	1 bộ/ 5lớp
1.2	Khối lớp 2	1	1 bộ/ 5lớp
1.3	Khối lớp 3	1	1 bộ/ 4 lớp
1.4	Khối lớp 4	1	1 bộ/ 4 lớp
1.5	Khối lớp 5	1	1 bộ/ 5 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	4	
2.2	Khối lớp 2	4	
2.3	Khối lớp 3	3	
2.4	Khối lớp 4	3	
2.5	Khối lớp 5	4	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	62	/
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	16	0,6
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy tính	62	
5	Máy chiếu Projector	1	0,04
6	Máy photocopy	1	0,04
7	Laptop	1	
8	Máy quay kỹ thuật số	0	
9	Ipad	0	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	144
XI	Nhà ăn	356

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

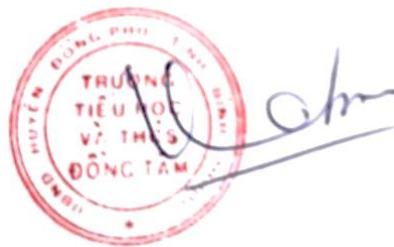
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		3		0,09 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Đồng Tâm, ngày 30 tháng 6 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn văn Chung